

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu ngành**  
**Lao động - Thương binh và Xã hội**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 02/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2115/QĐ-LĐTĐBXH ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục cơ sở dữ liệu ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 2.** Căn cứ danh mục cơ sở dữ liệu ngành được phê duyệt:

- Các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ được phân công chủ trì chịu trách nhiệm xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu.

- Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động tham mưu trình UBND tỉnh, thành phố xây dựng,

điều chỉnh các cơ sở dữ liệu thuộc các lĩnh vực của ngành tại địa phương phù hợp, hiệu quả, tránh chồng lấn, trùng lặp với các cơ sở dữ liệu ngành đã được phê duyệt.

- Giao Trung tâm Thông tin định kỳ chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, điều chỉnh, bổ sung, trình Bộ ban hành danh mục cơ sở dữ liệu ngành để thống nhất triển khai, thực hiện từ Trung ương tới địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ LĐTBXH;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT, TTTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Bá Hoan**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**



**DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(theo Quyết định số 634/QĐ-LĐTBXH ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT | Tel: +84-28-3930 3279 \* www.ThuVienPhapLuat.vn

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Mục đích, nội dung cơ sở dữ liệu	Đơn vị cập nhật dữ liệu	Phân loại dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ	Đơn vị chủ trì
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực lao động, tiền lương</b>				
1	Cơ sở dữ liệu tổ chức của người lao động tại cơ sở	Thông tin tổ chức của người lao động thành lập tại doanh nghiệp (quy định tại Điều 172 Bộ luật Lao động 2019).	Sở LĐTBXH / Doanh nghiệp	Dữ liệu mở	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương
2	Cơ sở dữ liệu thực hiện chính sách lao động, việc làm của doanh nghiệp	Thông tin thực hiện chính sách lao động, việc làm của doanh nghiệp: - Thông tin cơ bản của doanh nghiệp; - Thông tin thực hiện chính sách về lao động; - Thông tin thực hiện chính sách về quan hệ lao động; - Thông tin thực hiện chính sách về việc làm; - Thông tin thực hiện chính sách về bảo hiểm thất nghiệp; - Thông tin thực hiện chính sách về bảo hiểm xã hội; - Thông tin thực hiện chính sách về an toàn, vệ sinh lao động.	Sở LĐTBXH / BQL KCN KCX / Doanh nghiệp	Dữ liệu mở	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương chủ trì; Cục Việc làm, Cục An toàn lao động và Vụ BHXH phối hợp
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực việc làm</b>				

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Mục đích, nội dung cơ sở dữ liệu	Đơn vị cập nhật dữ liệu	Phân loại dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ	Đơn vị chủ trì
3	Cơ sở dữ liệu cung lao động	Thông tin cơ bản của người dân từ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc.	UBND xã/phường	Dữ liệu mặc định	Cục Việc làm
4	Cơ sở dữ liệu lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Thông tin cơ bản của lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; thông tin về cấp giấy phép và việc làm của lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	Sở LĐTBXH / BQL KCN KCX / Doanh nghiệp	Dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Cục Việc làm
5	Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Thông tin giải quyết hưởng BHTN: - Thông tin cơ bản của lao động; - Thông tin tư vấn giới thiệu việc làm; - Thông tin hưởng trợ cấp thất nghiệp; - Thông tin hỗ trợ học nghề; - Thông tin hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề.	Sở LĐTBXH / Doanh nghiệp	Dữ liệu mặc định	Cục Việc làm
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</b>				
6	Cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Thông tin cơ bản của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thông tin về hợp đồng, việc làm của lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	Sở LĐTBXH / Doanh nghiệp / Tổ chức	Dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Cục Quản lý Lao động ngoài nước
7	Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Thông tin doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức có giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	Bộ LĐTBXH / Doanh nghiệp	Dữ liệu mở	Cục Quản lý Lao động ngoài nước
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động</b>				

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Mục đích, nội dung cơ sở dữ liệu	Đơn vị cập nhật dữ liệu	Phân loại dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ	Đơn vị chủ trì
8	Cơ sở dữ liệu tổ chức kiểm định thiết bị, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Thông tin cơ bản tổ chức kiểm định; thông tin hoạt động kiểm định của tổ chức.	Bộ LĐTBXH / Sở LĐTBXH	Dữ liệu mở	Cục An toàn lao động
9	Cơ sở dữ liệu thiết bị, máy móc được kiểm định	Thông tin thiết bị, máy móc được kiểm định.	Sở LĐTBXH / tổ chức kiểm định	Dữ liệu mở	Cục An toàn lao động
10	Cơ sở dữ liệu kiểm định viên	Thông tin kiểm định viên trong các tổ chức kiểm định.	Sở LĐTBXH / tổ chức kiểm định	Dữ liệu mở	Cục An toàn lao động
11	Cơ sở dữ liệu tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động	Thông tin cơ bản tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; thông tin hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động của tổ chức.	Sở LĐTBXH / tổ chức huấn luyện	Dữ liệu mở	Cục An toàn lao động
12	Cơ sở dữ liệu tai nạn lao động	Thông tin vụ tai nạn lao động và người bị tai nạn lao động trong vụ tai nạn.	Sở LĐTBXH / Doanh nghiệp	Dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Cục An toàn lao động
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp</b>				
13	Cơ sở dữ liệu cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Thông tin cơ sở giáo dục nghề nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin cơ bản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;</li> <li>- Thông tin cơ sở vật chất;</li> <li>- Thông tin giáo viên, cán bộ quản lý;</li> <li>- Thông tin hoạt động đào tạo, chương trình đào tạo;</li> <li>- Thông tin kết quả kiểm định chất lượng</li> </ul>	Sở LĐTBXH / Cơ sở GDNN	Dữ liệu mở	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Mục đích, nội dung cơ sở dữ liệu	Đơn vị cập nhật dữ liệu	Phân loại dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ	Đơn vị chủ trì
		giáo dục nghề nghiệp; - Thông tin khác.			
14	Cơ sở dữ liệu học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp	Thông tin học sinh, sinh viên: - Thông tin cơ bản của học sinh, sinh viên; - Thông tin quá trình đào tạo; - Thông tin tìm việc và việc làm sau tốt nghiệp; - Thông tin văn bằng, chứng chỉ kỹ năng nghề.	Cơ sở GDNN	Dữ liệu mặc định	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực người có công</b>				
15	Cơ sở dữ liệu liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ	Thông tin liệt sĩ; thông tin thân nhân liệt sĩ; thông tin mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ.	Cục NCC / Sở LĐTĐBXH	Dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Cục Người có công
16	Cơ sở dữ liệu ADN của liệt sĩ và thân nhân	Thông tin ADN của các liệt sĩ chưa rõ tên; thông tin ADN của các thân nhân liệt sĩ chưa tìm được. Thông tin này phục vụ cho việc xác định liệt sĩ chưa rõ tên.	Cục NCC/đơn vị giám định	Dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Cục Người có công
17	Cơ sở dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công	Thông tin cơ bản của người hưởng chính sách; thông tin chế độ, mức hưởng; thông tin tình hình chi trả hàng tháng.	Cục NCC / Sở LĐTĐBXH	Dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Cục Người có công
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực bảo trợ xã hội</b>				
18	Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội	Thông tin cơ sở trợ giúp xã hội (cơ sở thực hiện trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội; trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; trợ giúp người cai nghiện, người bị mua bán trở	Sở LĐTĐBXH / Cơ sở TGXH	Dữ liệu mặc định	Cục Bảo trợ xã hội chủ trì; Cục Phòng chống tệ nạn xã hội và Cục Trẻ em

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Mục đích, nội dung cơ sở dữ liệu	Đơn vị cập nhật dữ liệu	Phân loại dữ liệu phục vụ xét nói, chia sẻ	Đơn vị chủ trì
		về): - Thông tin cơ bản của cơ sở trợ giúp xã hội; - Thông tin về cơ sở vật chất; - Thông tin về cán bộ quản lý; - Thông tin về hoạt động trợ giúp; - Thông tin về kết quả và chất lượng dịch vụ trợ giúp.			phối hợp
19	Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội	Thông tin đối tượng trợ giúp xã hội: - Thông tin cơ bản của đối tượng trợ giúp xã hội; - Thông tin của đối tượng trợ giúp xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; - Thông tin của đối tượng trợ giúp xã hội tại cộng đồng.	Sở LĐTBXH/ Cơ sở TGXH/ Xã/phường/Ph òng LĐTBXH/ người đại diện	Dữ liệu mặc định	Cục Bảo trợ xã hội
20	Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo	Thông tin của hộ nghèo, hộ cận nghèo.	Người đăng ký/người xét duyệt hộ nghèo / Xã/Phường / Phòng LĐTBXH	Dữ liệu mặc định	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo
21	Cơ sở dữ liệu người khuyết tật	Thông tin cơ bản của người khuyết tật; thông tin hưởng chính sách đối với người khuyết tật; thông tin nạn nhân bom mìn.	Xã/phường / Phòng LĐTBXH / Người khuyết	Dữ liệu mặc định	Cục Bảo trợ xã hội

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Mục đích, nội dung cơ sở dữ liệu	Đơn vị cập nhật dữ liệu	Phân loại dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ	Đơn vị chủ trì
			tật / tổ chức NKT		
22	Cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội	Thông tin người làm công tác xã hội hoạt động trong các lĩnh vực bảo trợ xã hội; chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ người nghiện ma túy, người bị mua bán trở về: - Thông tin của nhân viên công tác xã hội; - Thông tin của tình nguyện viên công tác xã hội.	Sở LĐTBXH/cơ sở trợ giúp/tổ chức/ nhân viên	Dữ liệu mặc định	Cục Bảo trợ xã hội chủ trì; Cục Phòng chống tệ nạn xã hội và Cục Trẻ em phối hợp
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực trẻ em</b>				
23	Cơ sở dữ liệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Thông tin cơ bản của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; thông tin trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	Sở LĐTBXH	Dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Cục Trẻ em
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin</b>				
24	Cơ sở dữ liệu báo cáo hành chính	Thông tin báo cáo hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực của ngành theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019.	Sở LĐTBXH	Dữ liệu mở	Văn phòng Bộ chủ trì; Trung tâm Thông tin phối hợp